

KẾ HOẠCH

Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Nghệ An đến năm 2035

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.
- Thông báo số 30-TB/TGV ngày 13/6/2025 của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Quyết định số 3771/QĐ-BKHCN ngày 13/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng Bản đồ công nghệ, Lộ trình công nghệ và Đổi mới công nghệ.
- Đề án số 34-ĐA/TU ngày 11/10/2024 của Tỉnh ủy Nghệ An về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.
- Quyết định số 2797/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trọng tâm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 – 2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch xây dựng Lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Nghệ An đến năm 2035, như sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn, tiềm năng, lợi thế và định hướng phát triển của tỉnh đến năm 2035.
- Làm cơ sở tổ chức rà soát, khảo sát, xác định công nghệ ưu tiên, đề xuất nhiệm vụ, dự án, cơ chế, chính sách hỗ trợ đổi mới, chuyển giao, ứng dụng và làm chủ công nghệ.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh; gắn đổi mới công nghệ với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển bền vững.

2. Yêu cầu

- Bám sát chủ trương của Trung ương, định hướng của tỉnh và nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ quan quản lý.

- Nhiệm vụ phải rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời hạn và sản phẩm đầu ra; không giao nhiệm vụ vượt chức năng, thẩm quyền.

- Doanh nghiệp là trung tâm của hoạt động đổi mới công nghệ; Nhà nước hỗ trợ về cơ chế, kết nối, dữ liệu, tư vấn, đào tạo và nguồn lực phù hợp.

- Lộ trình có tính mở, được theo dõi, đánh giá, cập nhật định kỳ để phù hợp với xu thế công nghệ và điều kiện phát triển của tỉnh.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Mục tiêu tổng quát: Hình thành lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 đối với các ngành kinh tế mũi nhọn và lĩnh vực có tiềm năng phát triển của tỉnh; xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ công nghệ và mạng lưới hỗ trợ đổi mới, chuyển giao công nghệ; thúc đẩy doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp nhận, ứng dụng và làm chủ công nghệ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030

- Hoàn thành rà soát, xác định danh mục ngành kinh tế trọng yếu, mũi nhọn và lĩnh vực có tiềm năng phát triển của tỉnh làm cơ sở xây dựng lộ trình.

- 100% ngành, lĩnh vực được xác định trong danh mục được khảo sát, đánh giá trình độ công nghệ, năng lực hấp thụ công nghệ, nhu cầu đổi mới và khả năng tiếp nhận công nghệ tiên tiến.

- Hoàn thành cơ sở dữ liệu và bản đồ công nghệ cấp tỉnh; hình thành cơ chế cập nhật, khai thác, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý, hoạch định chính sách và hỗ trợ doanh nghiệp.

- Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức triển khai Đề án lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn của Nghệ An đến năm 2035.

- Hình thành mạng lưới hỗ trợ đổi mới, chuyển giao công nghệ cấp tỉnh và tối thiểu 01 nền tảng số kết nối cung - cầu công nghệ, chuyên gia, thiết bị, nhu cầu đổi mới công nghệ.

- Phân đầu tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị và quy trình sản xuất của doanh nghiệp đạt bình quân từ 5% đến 10%/năm trong giai đoạn 2026 - 2030; phương pháp đo lường cụ thể được xác định trong Đề án.

b) Định hướng đến năm 2035

- Duy trì cập nhật cơ sở dữ liệu, bản đồ công nghệ và báo cáo đổi mới công nghệ của tỉnh theo chu kỳ định kỳ.

- Hoàn thiện mạng lưới hỗ trợ đổi mới, chuyển giao công nghệ, bảo đảm kết nối viện, trường, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Nhân rộng các mô hình đổi mới, ứng dụng và làm chủ công nghệ có hiệu quả; ưu tiên mô hình có địa chỉ ứng dụng rõ ràng, khả năng thương mại hóa và nhân rộng.

- Vận hành hệ thống theo dõi, giám sát, cập nhật chỉ tiêu chuyên sâu theo từng ngành, lĩnh vực phù hợp với bối cảnh phát triển và xu thế công nghệ.

3. Phạm vi: Kế hoạch này áp dụng đối với các ngành kinh tế mũi nhọn và lĩnh vực có tiềm năng phát triển của tỉnh Nghệ An sau khi được rà soát, xác định; trước mắt tập trung vào các lĩnh vực như công nghiệp trọng yếu, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, vi mạch - bán dẫn, công nghệ sinh học, nông nghiệp thông minh, công nghệ chế biến, năng lượng tái tạo, logistics, dịch vụ, du lịch, môi trường và các lĩnh vực phục vụ chuyển đổi xanh - số.

4. Đối tượng: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; viện, trường, tổ chức khoa học và công nghệ; hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, tổ chức và cá nhân có liên quan.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giai đoạn đến hết năm 2026

- Thành lập Tổ công tác; rà soát, xác định ngành, lĩnh vực ưu tiên; khảo sát hiện trạng công nghệ và nhu cầu đổi mới công nghệ.

- Xây dựng khung cơ sở dữ liệu, bản đồ công nghệ; phân tích xu hướng công nghệ; xây dựng dự thảo Đề án lộ trình, tổ chức tham vấn và trình phê duyệt.

- Sản phẩm: Kế hoạch lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn của Nghệ An đến năm 2035; cơ sở dữ liệu ban đầu; danh mục nhiệm vụ, dự án ưu tiên.

2. Giai đoạn 2027 - 2030: Triển khai, thí điểm và đánh giá

- Triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án ưu tiên về đổi mới, chuyển giao, ứng dụng và làm chủ công nghệ trong các ngành, lĩnh vực được xác định.

- Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu, bản đồ công nghệ, mạng lưới hỗ trợ đổi mới công nghệ và nền tảng kết nối cung - cầu công nghệ.

- Đánh giá định kỳ; sơ kết giai đoạn 2027 - 2030, đề xuất điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ, cơ chế, chính sách cho giai đoạn 2031 - 2035.

3. Giai đoạn 2031 - 2035: Mở rộng, tối ưu hóa và tổng kết

- Cập nhật, mở rộng lộ trình theo xu thế công nghệ, nhu cầu doanh nghiệp, điều kiện thực tế của tỉnh và định hướng của Trung ương.

- Nhân rộng mô hình hiệu quả; hoàn thiện hệ sinh thái đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và thị trường khoa học và công nghệ.

- Tổng kết giai đoạn 2031 - 2035, đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất định hướng giai đoạn tiếp theo.

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu được tổ chức thực hiện theo Phụ lục kèm theo Kế hoạch này, tập trung vào các nhóm sau:

- Rà soát, xác định ngành, lĩnh vực ưu tiên và nhu cầu đổi mới công nghệ của tỉnh.

- Khảo sát, đánh giá hiện trạng công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ công nghệ cấp tỉnh.

- Xây dựng, tham vấn, hoàn thiện và trình phê duyệt Đề án lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất tiếp nhận, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới và làm chủ công nghệ.

- Phát triển nguồn nhân lực, mạng lưới chuyên gia, tư vấn, kết nối viện - trường - doanh nghiệp; thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Lồng ghép nguồn lực, theo dõi, giám sát, cập nhật dữ liệu, sơ kết, tổng kết và điều chỉnh lộ trình khi cần thiết.

VI. KINH PHÍ VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan; lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Khuyến khích huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân; nguồn xã hội hóa; hợp tác công - tư; tài trợ, viện trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị lập dự toán theo quy định; Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp nhiệm vụ, phối hợp Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện phù hợp khả năng cân đối ngân sách.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì khảo sát, đánh giá trình độ công nghệ; xây dựng, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu và bản đồ công nghệ; tổng hợp, hoàn thiện Đề án lộ trình trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã triển khai nhiệm vụ đổi mới công nghệ; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định và khả năng cân đối ngân sách.

- Hướng dẫn việc lồng ghép, quản lý, sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch theo quy định pháp luật.

3. Sở Nội vụ: Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu cơ chế, chính sách về thu hút, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An và Ủy ban nhân dân cấp xã

- Phối hợp rà soát nhu cầu đổi mới công nghệ, cung cấp dữ liệu, hỗ trợ khảo sát doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trên địa bàn, trong khu kinh tế, khu công nghiệp.

- Lồng ghép nhiệm vụ đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, sản xuất xanh, sản xuất thông minh vào chương trình, kế hoạch phát triển thuộc phạm vi quản lý.

5. Các Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo: rà soát, đề xuất nhu cầu đổi mới công nghệ thuộc lĩnh vực quản lý; phối hợp khảo sát hiện trạng công nghệ, đề xuất nhiệm vụ, dự án ưu tiên; lồng ghép mục tiêu đổi mới công nghệ vào kế hoạch, chương trình, đề án của ngành, lĩnh vực.

6. Viện, trường, tổ chức khoa học và công nghệ, hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn

- Tham gia khảo sát, tư vấn, phản biện, đào tạo, chuyển giao, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ; chủ động đề xuất nhu cầu, nhiệm vụ, dự án đổi mới công nghệ.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã chủ động xây dựng kế hoạch đổi mới công nghệ, tiếp nhận, ứng dụng, làm chủ công nghệ và chia sẻ mô hình, kinh nghiệm triển khai.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT VX UBND tỉnh;
- CVP, PCVP VX UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND cấp xã;
- Lưu: VT, KGVX (TP, D).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Thái Văn Thành

BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /6/2026 của UBND tỉnh)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/kết quả
1	Thành lập Tổ công tác triển khai Kế hoạch	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Ngay sau khi Kế hoạch được ban hành	Văn bản phân công; kế hoạch triển khai chi tiết
2	Rà soát, xác định ngành kinh tế trọng yếu, mũi nhọn và lĩnh vực có tiềm năng phát triển	Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp	Các sở quản lý chuyên ngành; Ban Quản lý KKT Đông Nam; UBND cấp xã; viện, trường; hiệp hội doanh nghiệp	Quý III/2026	Danh mục ngành, lĩnh vực ưu tiên phục vụ xây dựng lộ trình
3	Khảo sát, đánh giá trình độ công nghệ, năng lực hấp thụ công nghệ, nhu cầu đổi mới công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở quản lý chuyên ngành; doanh nghiệp; hợp tác xã; viện, trường; tổ chức KHCN	Quý III - IV/2026	Báo cáo khảo sát, đánh giá hiện trạng và nhu cầu đổi mới công nghệ
4	Xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ công nghệ cấp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; Ban Quản lý KKT Đông Nam; các sở chuyên ngành; viện, trường; doanh nghiệp	Khung dữ liệu trong Quý I/2027; vận hành Quý II/2027	Cơ sở dữ liệu, bản đồ công nghệ và phương án cập nhật, khai thác
5	Phân tích xu hướng công nghệ, xác định công nghệ ưu tiên	Sở Khoa học và Công nghệ	Chuyên gia, viện, trường, doanh nghiệp, sở ngành liên quan	Quý III/2026	Báo cáo định hướng công nghệ ưu tiên
6	Xây dựng dự thảo Đề án lộ trình, tổ chức tham vấn và hoàn thiện hồ sơ	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ngành; UBND cấp xã; doanh nghiệp; viện, trường; chuyên gia	Quý III - IV/2026	Dự thảo Đề án; báo cáo tiếp thu, giải trình; hồ sơ trình phê duyệt

7	Trình phê duyệt Đề án lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; các cơ quan liên quan	Quý IV/2026	Đề án lộ trình được cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt
8	Triển khai nhiệm vụ, dự án hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đổi mới, ứng dụng, chuyển giao và làm chủ công nghệ	Các sở quản lý chuyên ngành theo lĩnh vực; Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi, tổng hợp	Sở Tài chính; Ban Quản lý KKT Đông Nam; UBND cấp xã; viện, trường; doanh nghiệp, hợp tác xã	2027 - 2035	Nhiệm vụ, dự án, mô hình thí điểm và mô hình nhân rộng theo từng ngành, lĩnh vực
9	Phát triển nguồn nhân lực, mạng lưới chuyên gia, tư vấn, kết nối viện - trường - doanh nghiệp	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ theo chức năng	Sở Giáo dục và Đào tạo; cơ sở giáo dục, viện, trường; doanh nghiệp; cơ quan liên quan	Hằng năm	Chương trình đào tạo, bồi dưỡng; mạng lưới chuyên gia, tổ chức hỗ trợ đổi mới công nghệ
10	Theo dõi, đánh giá, cập nhật lộ trình; sơ kết, tổng kết	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương, viện, trường, doanh nghiệp, hợp tác xã	Định kỳ 02 năm/lần; sơ kết 2030; tổng kết 2035	Báo cáo định kỳ; báo cáo sơ kết, tổng kết; kiến nghị điều chỉnh